

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIẾN XƯƠNG
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2020/HSST
Ngày 07- 7 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Tuấn Vũ
2. Bà Đoàn Thị Duyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Phạm Việt Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 39/2020/TLST-HS ngày 29 tháng 5 năm 2020, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2020/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 6 năm 2020, đối với:

- Bị cáo: **Nguyễn Thanh Q**, sinh năm 1983 tại xã B, huyện X, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã B, huyện X, tỉnh Thái Bình; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; con ông Nguyễn Đức K và bà Tạ Thị Th; Tiền sự: Không.

Tiền án: Bản án số: 16/2016/HSST ngày 20/4/2016 của Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình xử phạt Nguyễn Thanh Q 04 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm c, d khoản 2 Điều 136 BLHS.

Nhân thân: Bản án số 462/2010/HSST ngày 29/9/2010 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt Nguyễn Thanh Q 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, “đã được xóa án tích”.

Bản án số 738/2011/HSST ngày 08/12/2011 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt Nguyễn Thanh Q 01 năm 04 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, “ đã được xóa án tích”.

Bị cáo bị bắt theo Lnh bắt bị can để tạm giam từ ngày 01/4/2020. Hiện đang tạm giam tại nhà tạm giữ công an huyện Kiến Xương, được trích xuất có mặt tại phiên tòa.

- **Bị hại:** Chị Trần Thanh L, sinh năm 1989, “có mặt”.

Địa chỉ: Thôn Nam Đường Đông, xã Nam Cao, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Bà Tạ Thị Th, sinh năm 1955, “có mặt”.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã B, huyện X, tỉnh Thái Bình

- **Người làm chứng:** + Anh Nguyễn Tiến V, sinh năm 1977, “ có mặt”.

Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện X, tỉnh Thái Bình.

+ Anh Trần Đức H, sinh năm 1998, “vắng mặt”.

Địa chỉ: Thôn L, xã C, huyện X, tỉnh Thái Bình

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2015 bị cáo kết hôn với chị Trần Thanh L, đến năm 2016 chị L làm đơn xin ly hôn Nguyễn Thanh Q và được Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương chấp nhận. Ngày 29/3/2017 chị L đăng ký kết hôn với anh Nguyễn Tiến V tại UBND xã Nam Cao, huyện Kiến Xương.

Sau khi chấp hành xong hình phạt tù, vào khoảng tháng 10/2019 Q và chị L đã liên lạc với nhau và có quan hệ tình dục nhiều lần, đến khoảng tháng 12/2019 vì lo sợ chồng và gia đình phát hiện mối quan hệ bất chính với Q nên chị L không gặp Q nữa. Do cần tiền để chi tiêu cá nhân, Q đã dùng thủ đoạn nhắn tin SMS từ số điện thoại ***** của Q sang số điện thoại ***** của chị L để dọa chị L, sẽ cho chồng và gia đình chồng chị biết mối quan hệ bất chính giữa Q và chị, buộc chị phải chuyển vào tài khoản Vietteli pay của Q 3 lần với tổng số tiền 2.000.000 đồng, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Ngày 07/3/2020 Q nhắn tin cho chị L bảo chuyển cho ít tiền, chị L trả lời: “T hết tiền rồi. Chiều còn hơn 200 đi khám thai thôi...” Q nhắn lại: “traí hay gái vậy”, “ chiều tối anh vào nhà”, “ cho mẹ và chồng em xem tất cả” và yêu cầu chị L chuyển vào tài khoản số 9***** cho Q 1.000.000 đồng đến 2000.000 đồng, do lo sợ

nên chị L đã chuyển vào tài khoản cho Q số tiền 500.000 đồng sau đó Q đến cửa hàng Viettel khu Cộng Hòa, thị trấn Kiến Xương, huyện Kiến Xương rút số tiền này để chi tiêu cá nhân.

Lần thứ hai: Ngày 10/3/2020 Q nhắn cho chị L : “Gửi anh 2 triệu. nhanh giúp anh. Anh đang cần gấp” chị L nhắn tin trả lời không còn tiền, đừng làm khó cho chị nhưng Q vẫn cố tình yêu cầu chị phải chuyển tiền cho với nội dung: “Lần cuối.1,5tr, giúp anh”, do lo sợ chị L đã chuyển 1.000.000 đồng vào tài khoản của Q, sau đó Q đã rút số tiền này chi tiêu cá nhân hết 200.000 đồng.

Lần thứ ba: Vẫn bằng thủ đoạn như trên, vào ngày 15/3/2020 Q nhắn cho chị L : “ Chiều nay anh vào trong nhà L” “gửi anh 2 triệu...lần cuối” “Tối anh vào cho cả xã Nam Cao biết xem L ra sao”, “Mẹ và chồng em sẽ biết hết... có bằng chứng hẳn hoi”, chị L nhắn lại cho Q không có tiền thì Q tiếp tục có lời lẽ đe dọa như: “lại bơ nhau hả”, “vừa vào face của chồng L.. nhưng không nói chuyện được..còn rất nhiều cách ..ông ấy mà biết thì”, do lo sợ nên ngày 18/3/2020 chị L chuyển 500.000 đồng vào tài khoản của Q, ngày 22/3/2020 Q đã rút số tiền này. Ngày 29/3/2020 chị L có đơn trình báo cơ quan Công an huyện Kiến Xương về hành vi của Q.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Tạ Thị Th là mẹ đẻ của bị cáo đã bồi thường cho chị L số tiền 1.500.000 đồng, còn lại 500.000 đồng chị L trả cho Q do trước đó vay. Chị không yêu cầu bồi thường gì thêm và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Vật chứng vụ án: Thu giữ của bị cáo: 01 điện thoại di động hiệu OPPOA7 có gắn số thuê bao *****, 01 thẻ ATM VIETTELPAAY số ***** và số tiền 1.300.000 đồng. 01 USB nhãn hiệu Kingston màu đen lưu trữ nội dung tin nhắn của chị L và bị cáo được Công an huyện Kiến Xương niêm phong trong phong bì màu trắng.

Tại bản Cáo trạng số 39/CT-VKSKX ngày 29/5/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình truy tố Nguyễn Thanh Q về tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo quy định tại điểm c,e khoản 2 Điều 170 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố trong bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh Q phạm tội "Cưỡng đoạt tài sản"

Áp dụng điểm c, e khoản 2 Điều 170; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106, Điều 107 Bộ luật tố tụng hình sự:

Xử phạt bị cáo từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu của bị cáo 01 điện thoại OPPO để sung ngân sách nhà nước; tịch thu tiêu hủy của bị cáo 01 sim điện thoại và 01 thẻ ATM; trả lại cho bị cáo 1.300.000 đồng; giao cho cơ quan thi hành án tiếp tục quản lý 1 USB theo quy định của pháp luật.

Bị hại không có tranh luận gì và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình do cần tiền, nên nhắn tin yêu cầu chị L phải chuyển tiền cho bị cáo, nếu không bị cáo sẽ nói cho mọi người biết mối quan hệ bất chính giữa bị cáo và chị L. Vì lo sợ nên chị L đã chuyển cho bị cáo 03 lần với tổng số tiền 2.000.000 đồng. Trong lời nói sau cùng bị cáo xin HĐXX xem xét cho được hưởng mức án thấp nhất để có cơ hội cải tạo, sửa chữa sai lầm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Kiên Xương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiên Xương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa không ai có ý kiến hoặc k H nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, bản cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo. Ngoài ra còn được chứng minh bằng các chứng cứ sau đây:

- Đơn trình báo và lời khai của bị hại chị Trần Thanh L;
- P H yêu cầu dịch vụ chuyển tiền - nạp tiền;
- Biên bản kiểm tra dữ liệu, thông tin trong điện thoại của chị Trần Thanh L;
- Biên bản kiểm tra dữ liệu, thông tin trong điện thoại của anh Trần Đức H;
- Lời khai của người làm chứng là anh Nguyễn Tiến V và anh Trần Đức H.

[3] Từ những căn cứ nêu trên có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo đã bị kết án về tội “Cướp giật tài sản” theo khoản 2 Điều 136 BLHS năm 1999 là tội rất nghiêm trọng; biết bị hại đang có thai song trong khoảng thời gian từ ngày 07/3/2020 đến ngày

18/3/2020, Nguyễn Thanh Q vẫn dùng thủ đoạn nhấn tin đe dọa công khai mối quan hệ bất chính giữa bị cáo và chị L, làm chị L lo sợ phải chuyển cho bị cáo 2.000.000 đồng.

Hành vi trên của bị cáo đã phạm vào tội "Cưỡng đoạt tài sản". Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c, e khoản 2 Điều 170 Bộ luật hình sự.

[4] Điều 170. Tội cưỡng đoạt tài sản:

1. Người nào đe dọa sẽ dùng vũ lực hoặc có thủ đoạn khác uy hiếp tinh thần của người khác nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

.....
c, Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai, người già yếu hoặc người không có khả năng tự vệ;

....
e, Tái phạm nguy hiểm.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

[5] Hành vi phạm tội của bị cáo rất nghiêm trọng, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ; bị cáo đã ba lần bị kết án về các tội xâm phạm quyền sở hữu, đáng lẽ phải biết tu dưỡng, lao động để duy trì cuộc sống, song do lười biếng muốn hưởng lợi trên sức lao động của người khác, ý thức coi thường pháp luật bị cáo vẫn tiếp tục thực hiện thủ đoạn nhấn tin để uy hiếp tinh thần của bị hại chiếm đoạt số tiền 2.000.000 đồng. Vì vậy cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc, tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội thời gian dài mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[6] Bị cáo bị áp dụng một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS; được hưởng ba tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, tự nguyện bồi thường thiệt hại; người bị hại xin giảm hình phạt cho bị cáo, bố bị cáo được tặng huân chương chiến sỹ vẻ vang hạng nhất và mẹ bị cáo được tặng huy chương vì sự nghiệp giáo dục được quy định tại các điểm b,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do vậy cần xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[7] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Chị L đã được bồi thường toàn bộ số tiền bị chiếm đoạt, không yêu cầu bồi thường khoản tiền nào khác nên không đặt ra giải quyết.

[9] Đối với số tiền 1.500.000 đồng bà Tạ Thị Th đã bồi thường thay cho bị cáo, bà Th không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả nên không xem xét.

[10] Về xử lý vật chứng: 01 điện thoại di động OPPO A7 màu xám là công cụ bị cáo dùng vào việc phạm tội nên tịch thu sung ngân sách nhà nước. 01 sim điện thoại thuê bao số 0977036709 và 01 thẻ ATM VIETTELPAY là công cụ dùng vào việc phạm tội nên tịch thu tiêu hủy là đúng với quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a,c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo đã bồi thường cho chị L nên trả lại cho bị cáo 1.300.000 đồng.

Giao cho Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiến Xương tiếp tục quản lý 01 USB nhãn hiệu Kingston màu đen theo quy định tại Điều 107 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[11] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c, e khoản 2 Điều 170; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106, Điều 107 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án;

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thanh Q phạm tội "Cưỡng đoạt tài sản".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh Q 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 01/4/2020.

2. Về xử lý vật chứng: Tịch thu của Nguyễn Thanh Q 01 điện thoại di động cảm ứng màu xám nhãn hiệu OPPO A7 có số Imel 864267041924457 và số Imel 864267041924440 để sung ngân sách nhà nước.

Tịch thu tiêu hủy của Nguyễn Thanh Q 01 sim điện thoại số thuê bao 0977036709 và 01 thẻ ATMVIETTELPAY số *****.

Giao cho Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiến Xương tiếp tục quản lý 01 USB nhãn hiệu Kingston, màu đen theo quy định của pháp luật. Tất cả vật chứng đang được quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản kê biên ngày 02/6/2020 giữa công an huyện Kiến Xương và Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiến Xương.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thanh Q 1.300.000 (một triệu ba trăm nghìn) đồng, số tiền này đang được quản lý theo Ủy nhiệm chi ngày 02/6/2020 của Công an huyện Kiến Xương.

3. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thanh Q phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 07/7/2020.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 07/7/2020.

Nơi nhận:

- VKS huyện KX;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Bị cáo;
- Bị hại;;
- Người liên quan;
- THAKX;
- CA KX ;
- Sở tư pháp TB;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Huệ